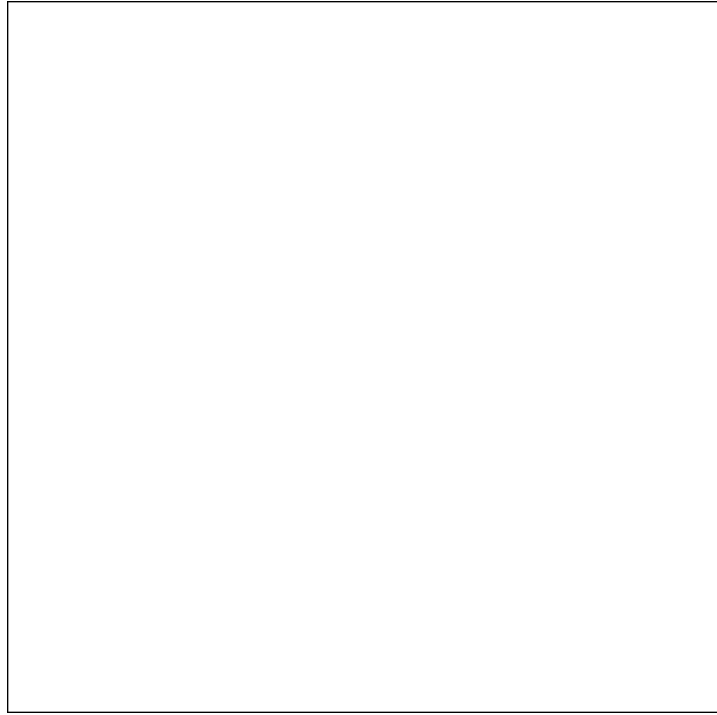




(uten bilder)

✎ Nicola Rįsđjįk  
🔒 Maya Marshak  
📖 Phuong Nguyen  
🗣️ vietnamsisk / nynorsk  
📖 nivå 3



Một hát giông nhò: Câu chuyêן vế Wangari Maathai

Eit lite frø: Historia om Wangari Maathai



# Barnebøker for Norge

[barnebok.no](http://barnebok.no)

Một hát giông nhò: Câu chuyêן vế

Wangari Maathai / Eit lite frø: Historia om

Wangari Maathai

Skrevet av: Nicola Rįsđjįk

Illustrert av: Maya Marshak

Oversatt av: Phuong Nguyen (vi), Espen Stranger-Johannessen, Martine Rørstad Sand (m)

Denne fortellingen kommer fra African Storybook ([africanstorybook.org](http://africanstorybook.org)) og er videreformidlet av Barnebøker for Norge ([barnebok.no](http://barnebok.no)), som tilbyr barnebøker på mange språk som snakkes i Norge.

Dette verket er lisensiert under en Creative Commons

[Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens.](https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no)

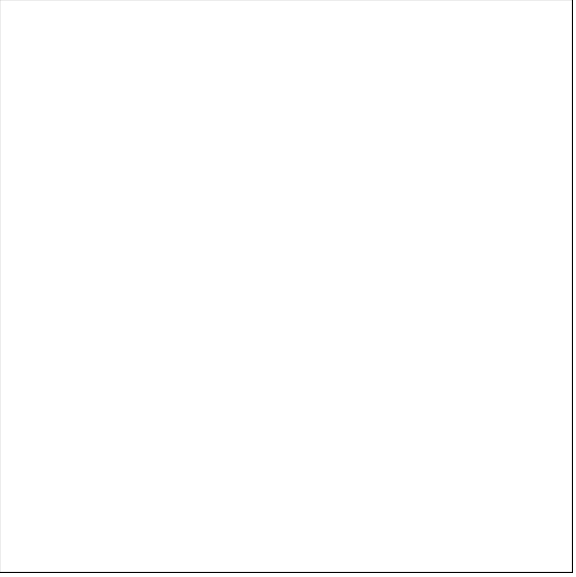
<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/deed.no>



Trong một ngôi làng trên sườn núi Kenya ở Đông Phi, có một cô gái nhỏ làm ngoài đồng cùng với mẹ. Tên bạn ấy là Wangari.

...

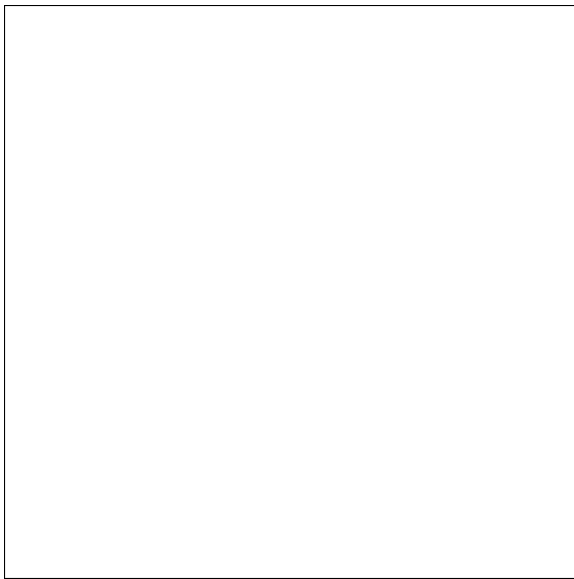
I ein landsby ved foten av Mount Kenya i Aust-Afrika arbeidde ei lita jente saman med mor si på åkeren. Wangari heitte ho.



Wangari thich ở ngoài trời. Trong vườn trồng rau quả của gia đình, bà dùng dao để xới đất. Bà ăn những hạt giống nhỏ vào đất ấm.

...

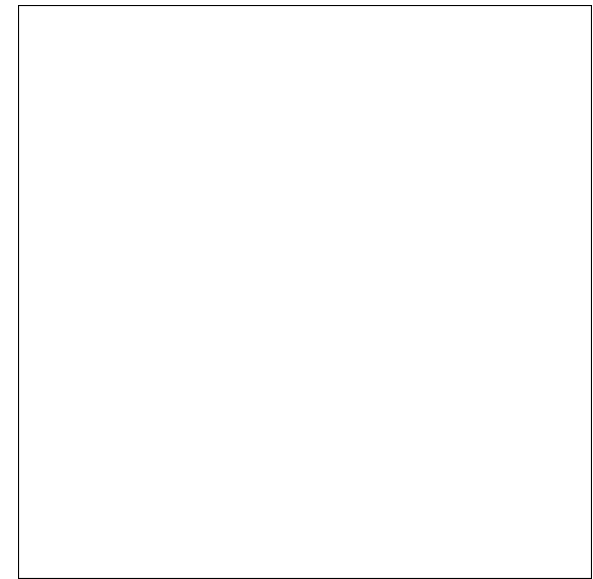
Wangari var glad i å vera ute. Familien hadde ein kjøkkenhage. Der vende ho grønsakshagen med macheten sin. Ho stakk små frø ned i den varme jorda.



Thời gian thích nhất của bạn là ngay sau khi mặt trời lặn.  
Khi trời tối quá không thể nhìn thấy cây được nữa,  
Wangari biết đó là lúc phải về nhà. Bạn đi dọc theo  
những con đường mòn nhỏ xuyên qua những cánh đồng  
và băng qua những dòng sông.

...

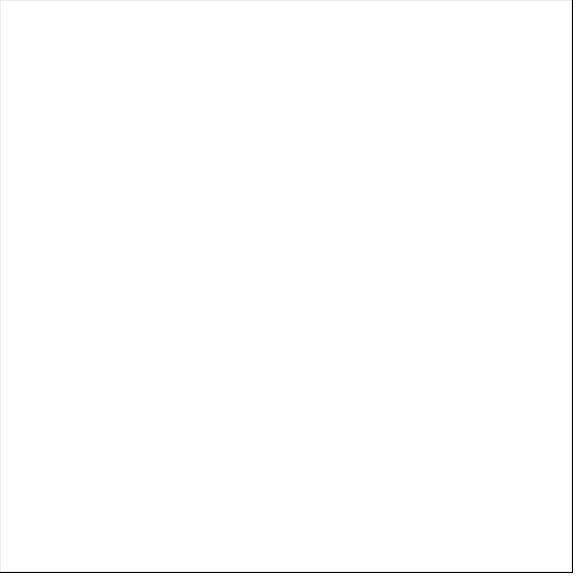
Ho syntest den beste tida på dagen var rett etter  
solnedgang. Når det vart for mørkt til å sjå plantene,  
visste ho at det var på tide å gå heim. Ho gjekk langs  
smale stiar på markene og over bekkar på vegen sin.



Wangari mất năm 2011, nhưng chúng ta có thể nghĩ về  
bà mỗi khi chúng ta nhìn thấy một cái cây xinh đẹp.

...

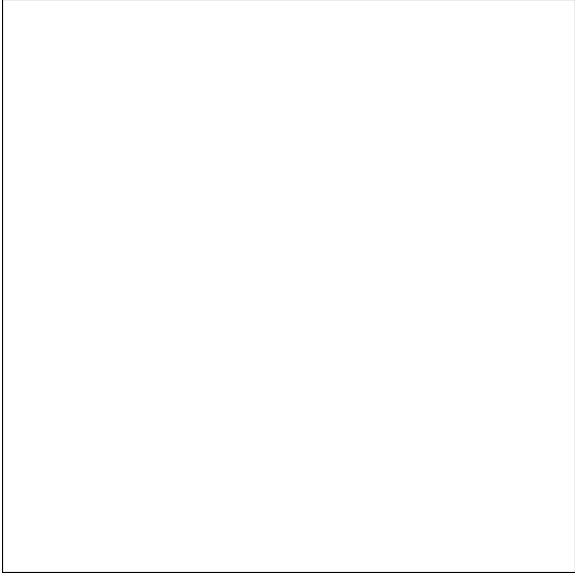
Wangari døydde i 2011, men vi kan tenkja på henne kvar  
gong vi ser eit vent tre.



Wangari là một đứa trẻ thông minh và rất nông lòng  
muốn đi học. Tuy nhiên, bố mẹ bà muốn bà ở nhà để  
giúp đỡ mình. Khi bà bảy tuổi, anh trai bà thuyết phục  
bố mẹ bà cho bà đi học.

...

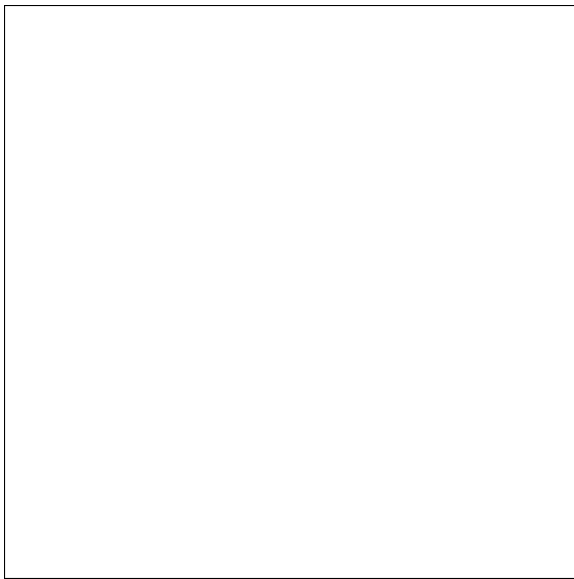
Wangari var ei flink jente og ville gjerne byrja på skulen.  
Men mora og faren ville at ho skulle vera heime og  
hjelpa til. Då ho vart sju år, overtalte storebroren mor og  
far til å la henne få gå på skulen.



Wangari đã làm việc rất chăm chỉ. Người khác nơi trên  
thế giới ghi nhận điều này, và trao cho bà một giải  
thưởng rất nổi tiếng. Đó là giải Nobel hòa bình. Bà là  
người phụ nữ châu Phi đầu tiên nhận giải này.

...

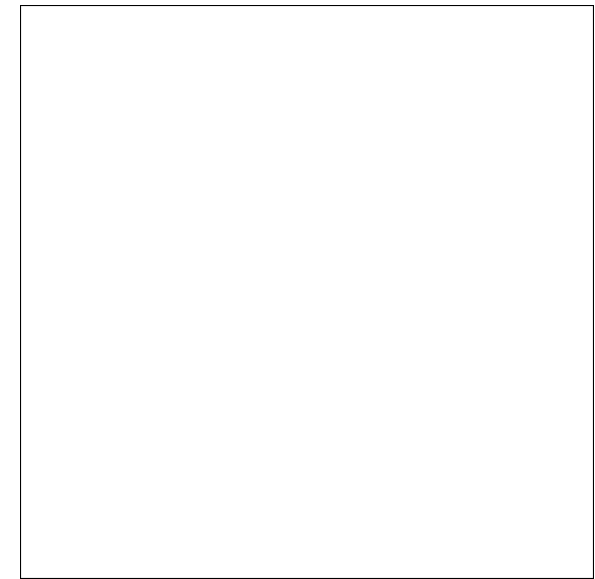
Wangari hadde arbeidd hardt. Folk over heile verda la  
merke til det og dei gav henne ein berømt pris. Han vart  
kalla Nobels fredspris. Ho vart den første afrikanske  
kvinnasom fekk han.



Bạn rất thích học! Càng đọc sách, bạn càng học được nhiều điều hơn. Ở trường, bạn học giỏi quá đến nỗi bạn được mời sang Mỹ học. Wangari rất phấn khởi! Bạn ấy muốn biết thêm nhiều điều về thế giới.

...

Ho likte å læra! Wangari lærde meir og meir for kvar bok ho las. Ho vart så flink på skulen at ho vart invitert til å studera i USA. Wangari vart så glad! Ho ville læra meir om verda.



Thời gian trôi qua, những cây mới lớn thành rừng, và những con sông bắt đầu chảy lại. Thông điệp của Wangari lan ra khắp châu Phi. Ngày nay, hàng triệu cây đã lớn lên từ những hạt giống của Wangari.

...

Tida gjekk og dei nye trea voks og vart til skog, og det kom vatn i elvene igjen. Historia om Wangari spreidde seg over heile Afrika. I dag er det millionar av tre som har vakse opp frå Wangaris frø.



Ở trường đại học Mỹ, Wangari học rất nhiều điều mới. Bạn học về cây và sự phát triển của chúng. Và bạn nhớ lại mình đã lớn lên như thế nào – chơi trò chơi cùng các anh của mình dưới bóng mát của cây trong những khu rừng Kenya xinh đẹp.

...

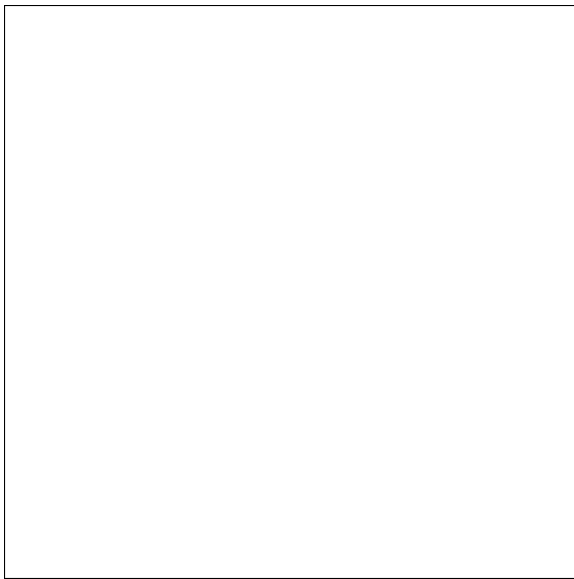
Wangari lærde mykje nytt på det amerikanske universitetet. Ho studerte planter og korleis dei veks. Og hugsa korleis ho hadde vakse opp sjølv: i leiker og spel med brørne sine i Kenyas vene skogar.



Wangari biêt là phải làm gì. Bà ấy dạy những người phụ nữ cách trồng cây từ hạt. Những người phụ nữ này bán cây lấy tiền để chăm sóc cho gia đình mình. Họ rất hạnh phúc. Wangari đã giúp họ cảm thấy mạnh mẽ.

...

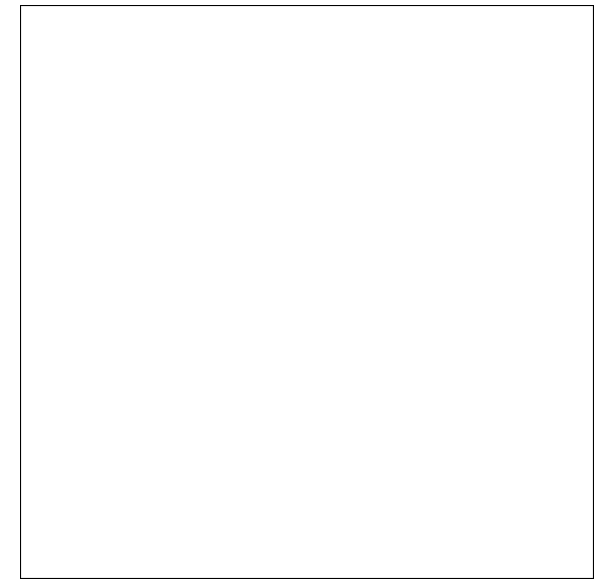
Wangari visste råd. Ho lærde kvinnene å planta tre ved å så frø i jorda. Kvinnene selde trea og brukte pengane til beste for familien sin. Dei vart veldig glade. Wangari hadde fått dei til å føla seg sterke og mektige.



Càng học nhiều bao nhiêu, bạn ấy càng nhận ra là mình yêu những người ở Kenya. Bạn ấy muốn họ hạnh phúc và tự do. Càng học nhiều bao nhiêu, bạn ấy càng nhớ nhà ở châu Phi bấy nhiêu.

...

Ho skjønnte ho var glad i folk frå Kenya jo meir ho lærde. Ho ville dei skulle vera glade og frie. Og jo meir ho lærde, desto meir hugsa ho heimen sin i Afrika.



Khi học xong, bạn ấy quay về Kenya. Nhưng đất nước của bạn đã thay đổi. Các trang trại lớn trải dài khắp nơi. Phụ nữ không có củi để đốt lửa nấu ăn. Người thì nghèo và trẻ con thì đói.

...

Då ho var ferdig med å studera, drog ho tilbake til Kenya. Men landet hennar var forandra. Kjempestore bondegardar strekte seg utover i landet. Kvinnene hadde ikkje ved til å tenne bål for å laga mat. Folk var fattige og born svalt.